

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	
<p>B24.254/TTQT 0490</p>	<p align="center">KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 18/06/2024 Trang (Page): 01/03</p>

1. Tên mẫu : Nước thải nhiễm dầu trước khi xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn (đầu vào).
Sample Name Waste water contaminated with oil before treatment of Nam Con Son Pipeline Company (input).
2. Ngày nhận mẫu : 11/06/2024.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn.
Customer Nam Con Son Pipeline Company.
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)* Suspended solids	TCVN 6625:2000	4,2
2. BOD ₅ (20°C)* Biochemical Oxygen Demand	TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
3. COD* Chemical Oxygen Demand	SMEWW 5220.D:2023	KPH (<30)
4. Tổng Sắt (T- Fe)* Total Iron	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2023	0,527
5. Chì (Pb) Lead	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0030)
6. Kẽm (Zn)* Zinc	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B : 2023	0,151
7. Thủy ngân (Hg) Mercury	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0009)
8. Asen (As) Arsenic	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0030)
9. Crôm III (Cr ³⁺) Chromium III	Tk: TCVN 6658:2000 SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,030)
10. Crôm VI (Cr ⁶⁺) Chromium VI	TCVN 6658:2000	KPH (<0,009)

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>		
<p>B24.254/TTQT 0490</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 18/06/2024 Trang (Page): 02/03</p>	

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
11. Tổng Nitơ (T-N)* <i>Nitrogen total</i>	TCVN 6638:2000	KPH (<10,0)
12. Sunfua (S ²⁻) <i>Sulfur</i>	SMEWW 4500S ²⁻ .B&D:2023	KPH (<0,12)
13. Phenol	TCVN 6216:1996	KPH (<0,09)
14. Độ màu <i>Colour</i>	TCVN 6185:2015	18
15. Florua (F ⁻) <i>Fluoride</i>	SMEWW 4500-F- B&D:2023	KPH (<0,20)
16. Clo dư <i>Chlorine, free</i>	TCVN 6225-3:2011	KPH (<0,90)
17. Dầu mỡ khoáng* <i>Mineral oil</i>	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (<3,0)
18. Nitơ-amoni (N-NH ₄ ⁺)* <i>Nitrogen - aminonium</i>	TCVN 6179-1:1996	KPH (<0,100)
19. Tổng phot pho (T-P)* <i>Phosphorus</i>	TCVN 6202:2008	0,041
20. pH	TCVN 6492 : 2011	7,7
21. Cadimi (Cd) <i>Cadmium</i>	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0020)
22. T-Coliform <i>Coliform organisms</i>	SMEWW 9221B:2023	240
23. Mangan (Mn)* <i>Manganese</i>	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
24. Niken (Ni)* <i>Nickel</i>	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
25. Cyanua (CN ⁻) <i>Cyanide</i>	TCVN 6181 : 1996	KPH (<0,008)

Handwritten signature

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	  <p>VILAS 149</p>
<p>B24.254/TTQT 0490</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 18/06/2024 Trang (Page): 03/03</p>

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
26.	Nhiệt độ Temperature °C	SMEWW 2550B : 2023	33,5
27.	Đồng (Cu)* Copper mg/l	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)

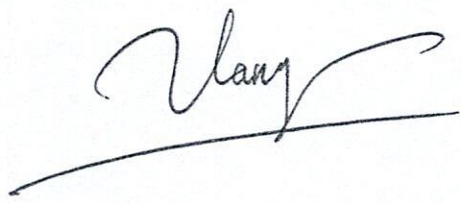
Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 14h30/ Sample is taken by The Center for environmental monitoring and resources at 14h30.

(*): Chi tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ (*): Analysis norm is recognized by BOA. Number VILAS 149.

Mẫu được lấy theo hợp đồng C-1322/TTQTTNMT – DVTV ngày 26/01/2024/ Sample is collected according to contract C-1322 / TTQTTNMT – DVTV dated 26/01/2024.

KPH: Không phát hiện/ Not detected.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
HEAD ANALYSIS DIVISION



Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Lê Tuấn Kiệt

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRÁC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	 
<p>B24.255/TTQT 0491</p>	<p align="center">KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 18/06/2024 Trang (Page): 01/03</p>

1. Tên mẫu : Nước thải nhiễm dầu sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí có tọa độ X: 1155449; Y: 441117.
Sample Name Waste water contaminated with oil after treatment of Nam Con Son Pipeline Company. Coordinate X: 1155449 & Y: 441117.
2. Ngày nhận mẫu : 11/06/2024.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn.
Customer Nam Con Son Pipeline Company.
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)* Suspended solids	mg/l	TCVN 6625:2000	4,2
2. BOD ₅ (20°C)* Biochemical Oxygen Demand	mg/l	TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
3. COD* Chemical Oxygen Demand	mg/l	SMEWW 5220.D:2023	KPH (<30)
4. Tổng Sắt (T- Fe)* Total Iron	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2023	0,515
5. Chì (Pb) Lead	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0030)
6. Kẽm (Zn)* Zinc	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B : 2023	0,122
7. Thủy ngân (Hg) Mercury	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0009)
8. Asen (As) Arsenic	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0030)
9. Crôm III (Cr ³⁺) Chromium III	mg/l	Tk: TCVN 6658:2000 SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,030)
10. Crôm VI (Cr ⁶⁺) Chromium VI	mg/l	TCVN 6658:2000	KPH (<0,009)

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRÁC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	
<p>B24.255/TTQT 0491</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 18/06/2024 Trang (Page): 02/03</p>

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
11. Tổng Nitơ (T-N)* <i>Nitrogen total</i>	TCVN 6638:2000	KPH (<10,0)
12. Sunfua (S ²⁻) <i>Sulfur</i>	SMEWW 4500S ²⁻ .B&D:2023	KPH (<0,12)
13. Phenol	TCVN 6216:1996	KPH (<0,09)
14. Độ màu <i>Colour</i>	TCVN 6185:2015	18
15. Florua (F ⁻) <i>Fluoride</i>	SMEWW 4500-F- B&D:2023	KPH (<0,20)
16. Clo dư <i>Chlorine, free</i>	TCVN 6225-3:2011	KPH (<0,90)
17. Dầu mỡ khoáng* <i>Mineral oil</i>	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (<3,0)
18. Nitơ-amoni (N-NH ₄ ⁺)* <i>Nitrogen - aminonium</i>	TCVN 6179-1:1996	0,112
19. Tổng phốt pho (T-P)* <i>Phosphorus</i>	TCVN 6202:2008	0,059
20. pH	TCVN 6492 : 2011	7,4
21. Cadimi (Cd) <i>Cadmium</i>	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0020)
22. T-Coliform <i>Coliform organisms</i>	SMEWW 9221B:2023	130
23. Mangan (Mn)* <i>Manganese</i>	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
24. Niken (Ni)* <i>Nickel</i>	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
25. Cyanua (CN ⁻) <i>Cyanide</i>	TCVN 6181 : 1996	KPH (<0,008)

Handwritten signature

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	  VILAS 149
<p>B24.255/TTQT 0491</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 18/06/2024 Trang (Page): 03/03</p>

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
26. Nhiệt độ Temperature °C	SMEWW 2550B : 2023	30,8
27. Đồng (Cu)* Copper mg/l	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)

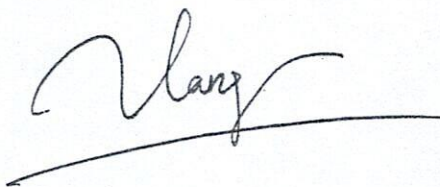
Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 15h/ Sample is taken by The Center for environmental monitoring and resources at 15h.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ (*): Analysis norm is recognized by BOA. Number VILAS 149.

Mẫu được lấy theo hợp đồng C-1322/TTQTTNMT – DVTV ngày 26/01/2024/ Sample is collected according to contract C-1322 / TTQTTNMT – DVTV dated 26/01/2024.

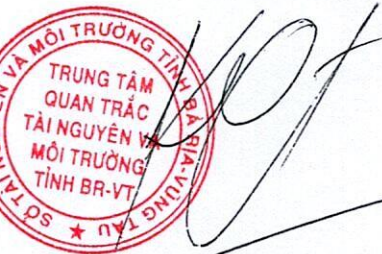
KPH: Không phát hiện/ Not detected.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
HEAD ANALYSIS DIVISION



Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Lê Tuấn Kiệt